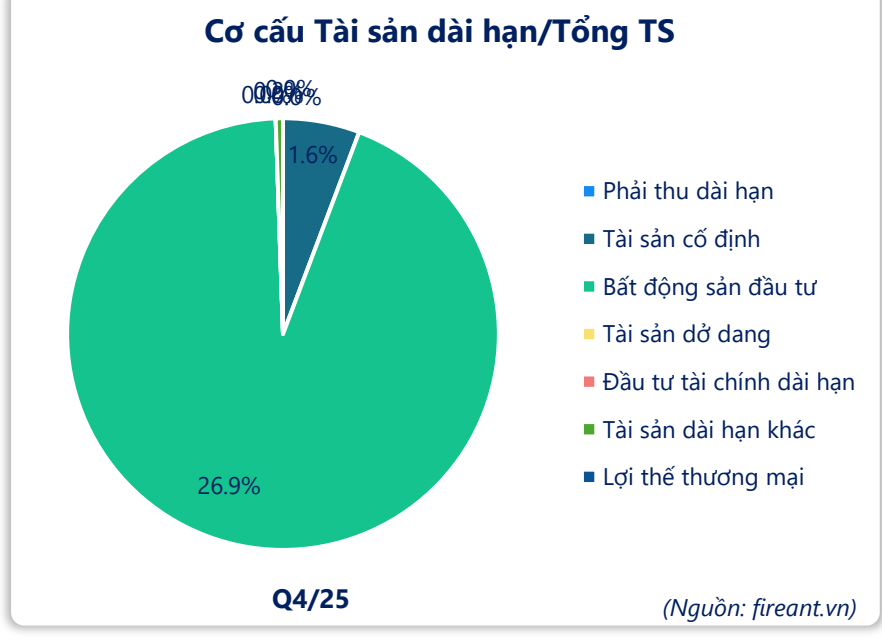
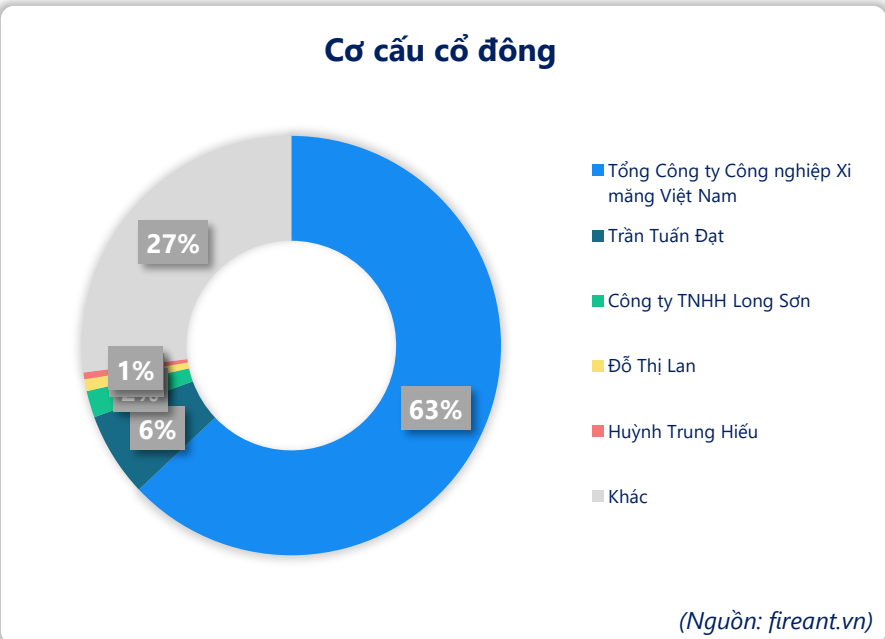
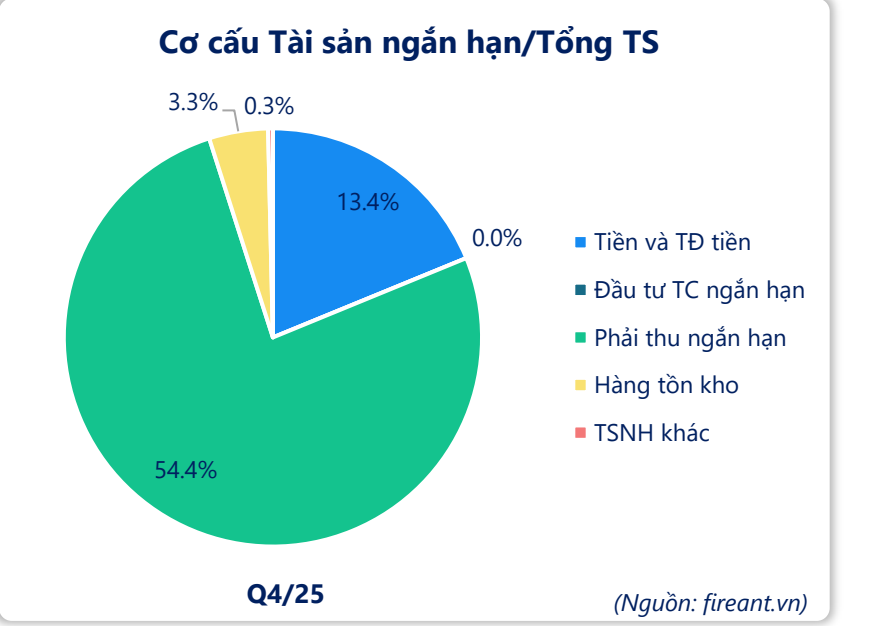
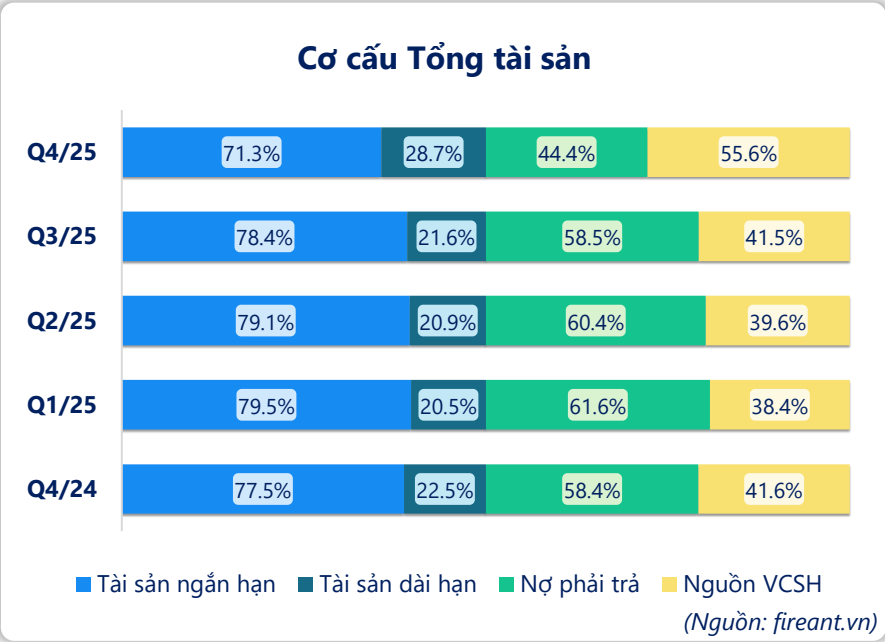
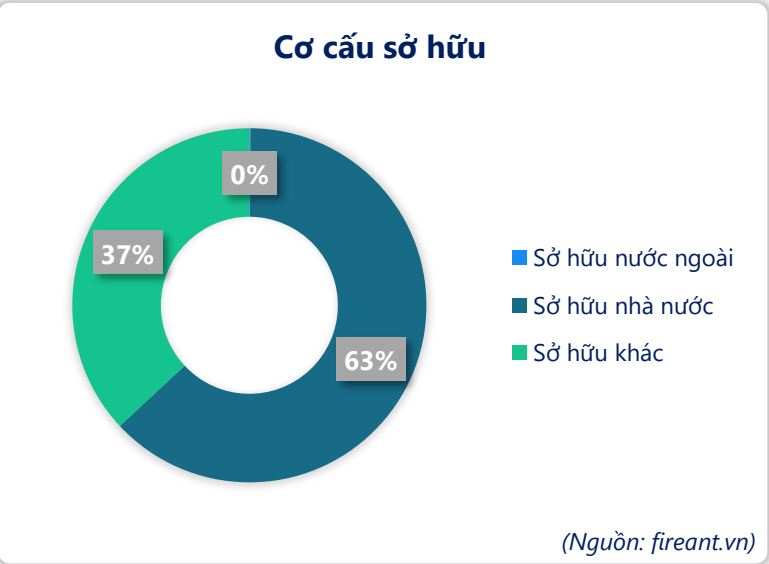
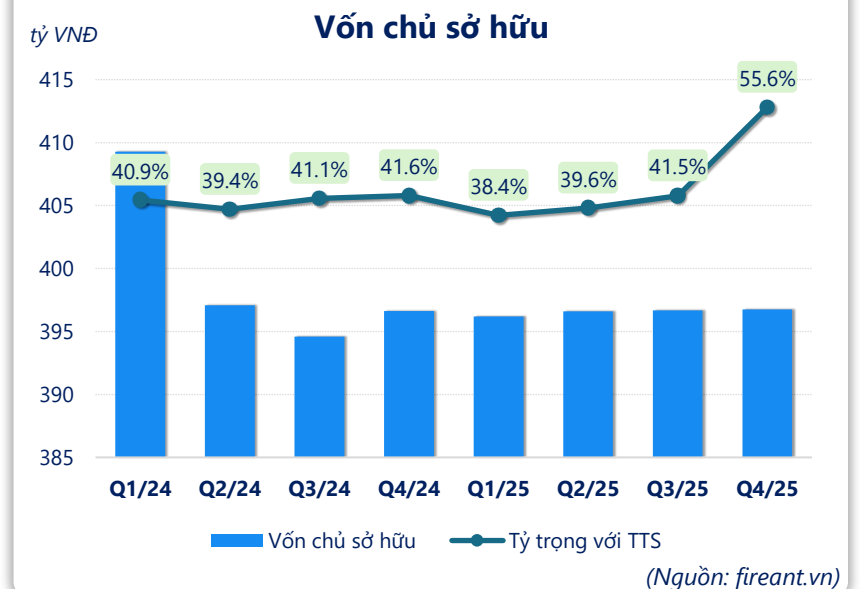
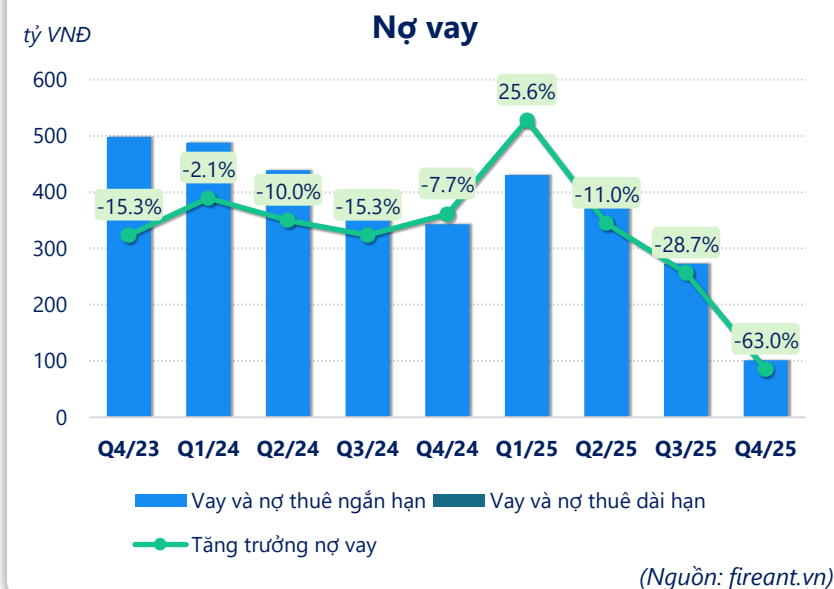
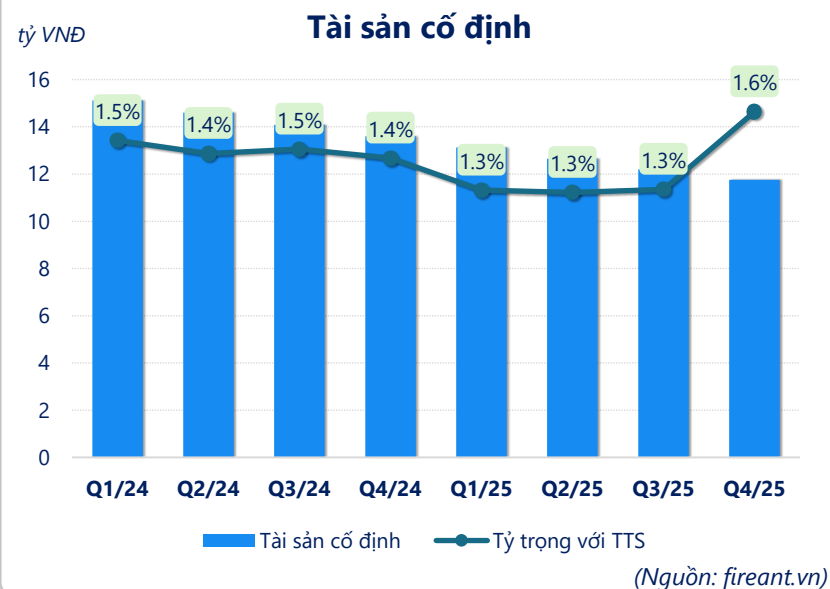
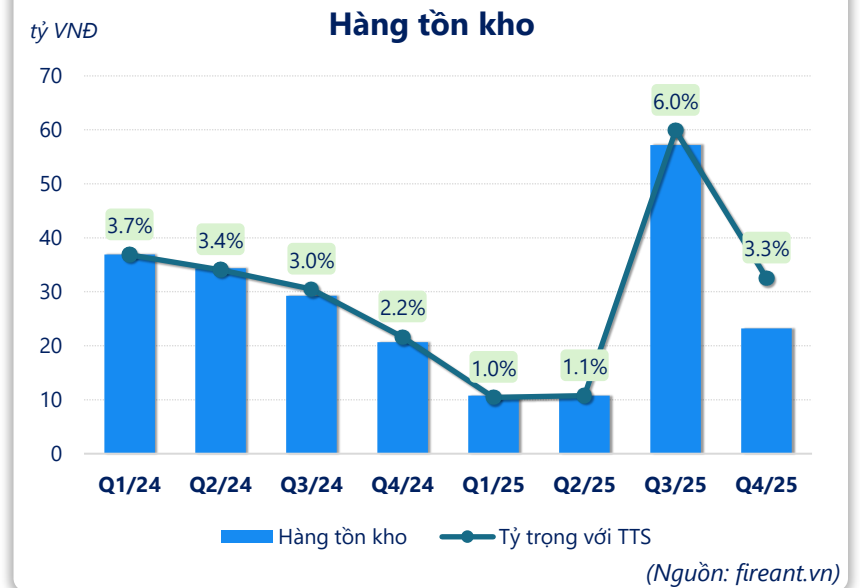
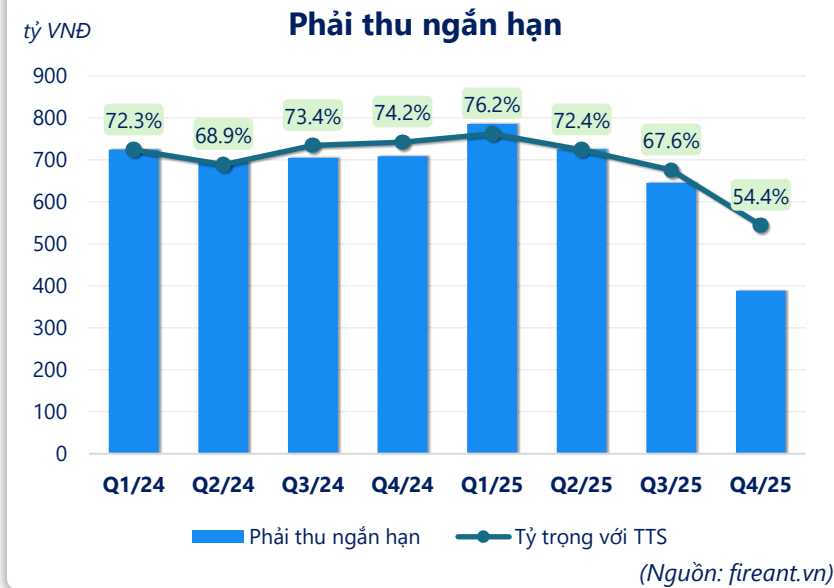
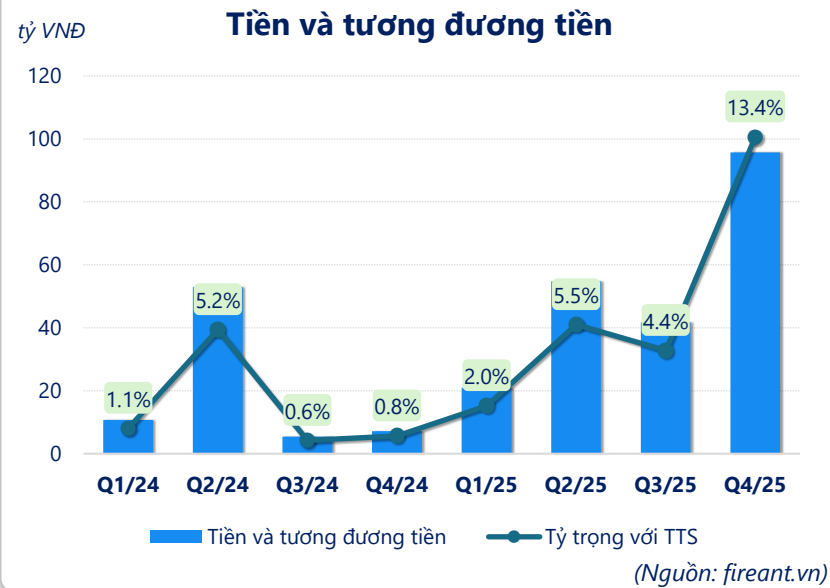
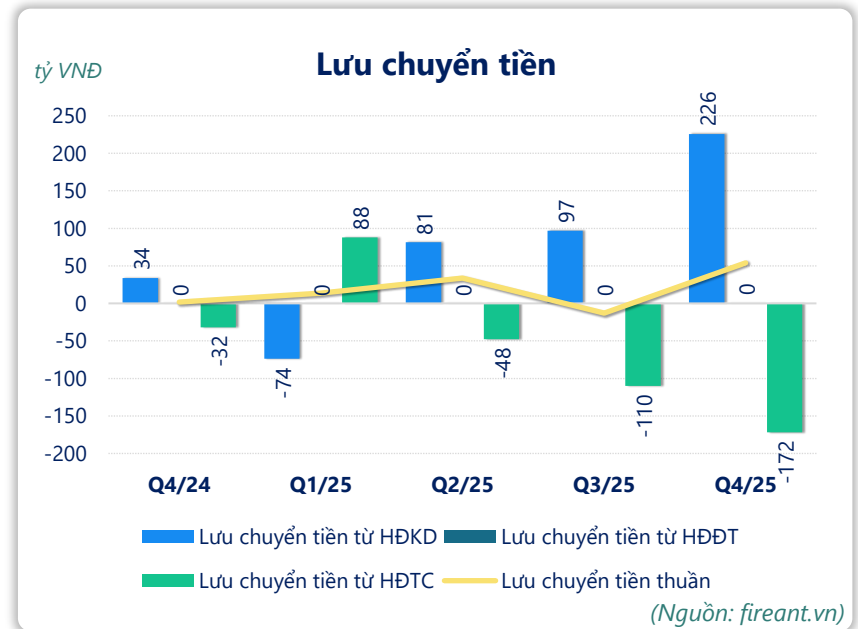
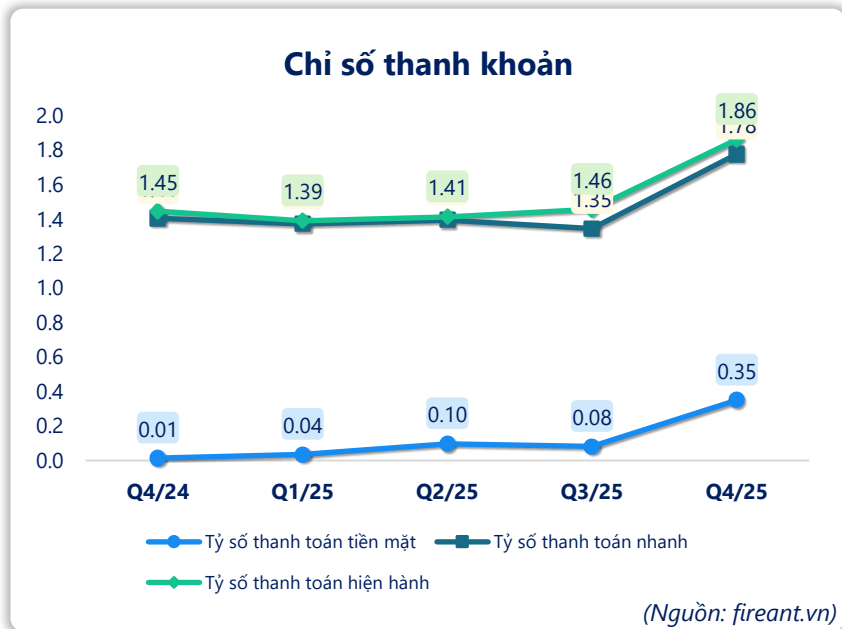
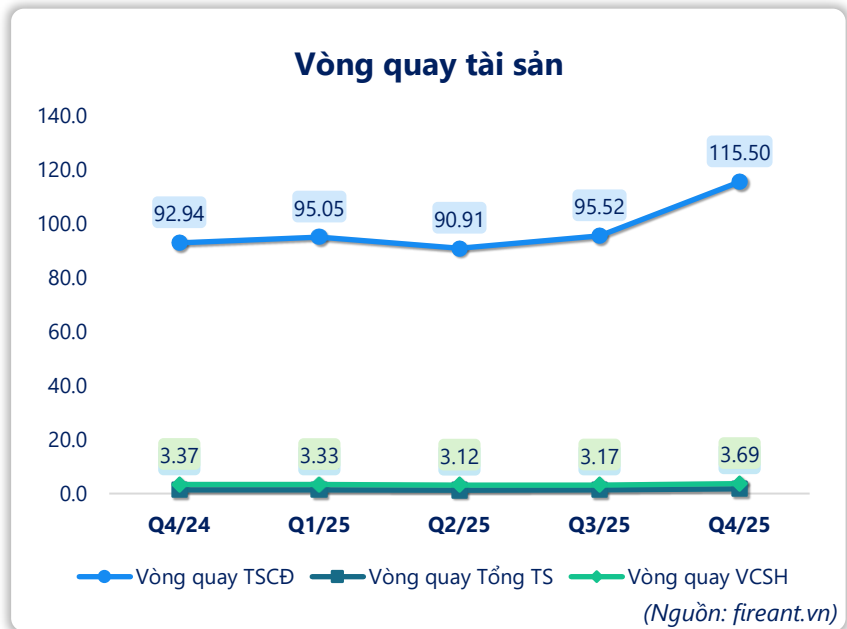
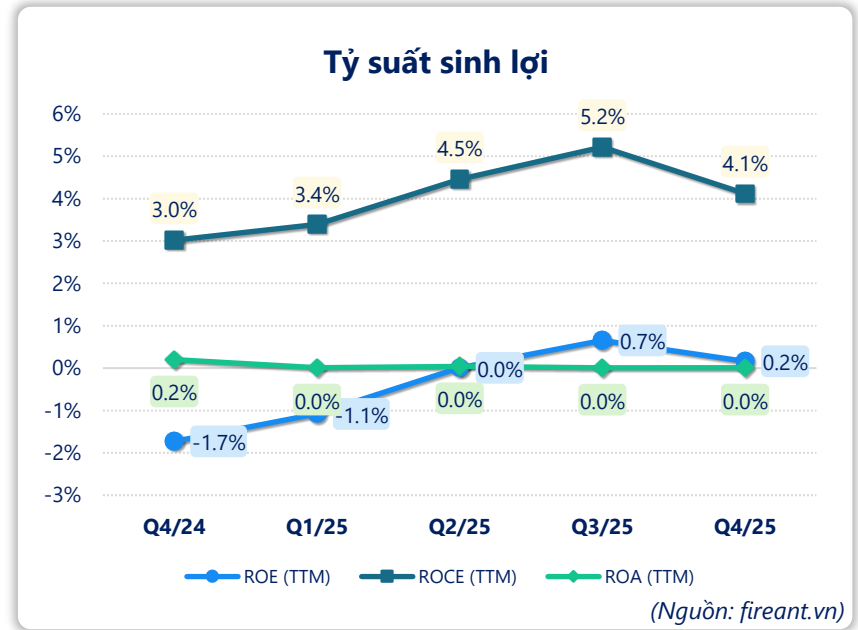
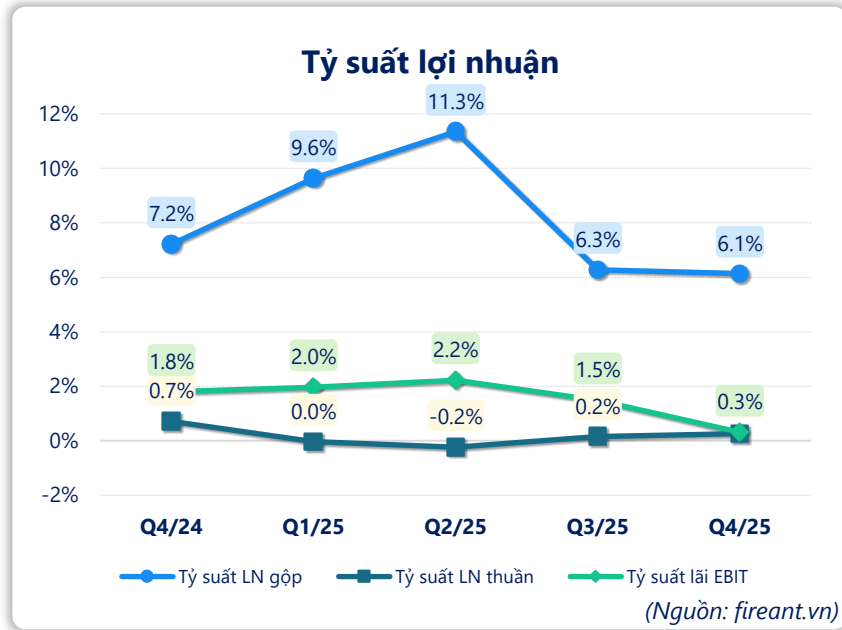
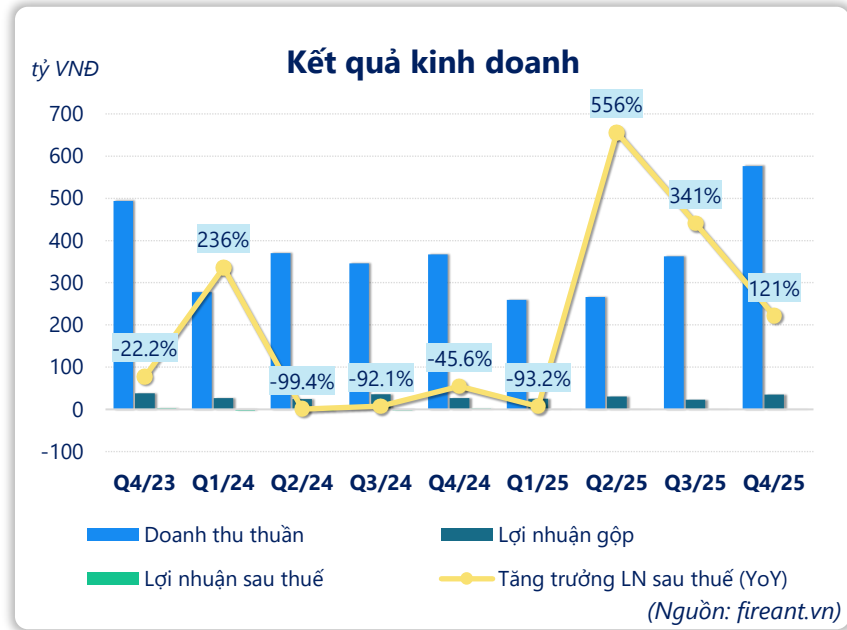


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,400
SL cổ phiếu LH		31,199,825
KLGD BQ 20 phiên (CP)		177,760
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		462
P/E		722.9
EPS		20

	YTD	1T	3T	6T
VTV	111.4%	6.5%	15.6%	27.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	714	954	-25.2%
Tài sản ngắn hạn	509	740	-31.2%
Tiền và tương đương tiền	95.7	7.17	1235%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	388	708	-45.2%
Hàng tồn kho	23.2	20.6	12.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.89	3.72	-49.2%
Tài sản dài hạn	205	214	-4.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.8	13.6	-13.6%
Bất động sản đầu tư	192	201	-4.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.11	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	317	558	-43.2%
Nợ ngắn hạn	273	512	-46.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	343	-70.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	151	141	7.0%
Nợ dài hạn	43.5	45.7	-4.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	397	396	0.2%
Vốn chủ sở hữu	397	396	0.2%
Vốn điều lệ	312	312	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	367	259	266	363	576
Giá vốn hàng bán	341	234	236	340	541
Lợi nhuận gộp	26.5	25.0	30.2	22.8	35.3
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.02	3.34	1.87
Chi phí TC	3.80	4.99	5.33	4.76	3.02
Chi phí lãi vay	3.80	4.99	5.33	4.76	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.2	16.8	17.4	14.1	24.5
Chi phí QLDN	6.91	3.30	8.10	6.68	8.26
LN thuần từ HĐKD	2.61	-0.08	-0.63	0.57	1.48
Lợi nhuận khác	0.17	0.19	1.22	0.06	0.29
LN trước thuế	2.79	0.12	0.59	0.63	1.77
Lợi nhuận sau thuế	2.02	0.09	0.40	0.07	0.08
LNST của CĐ cty mẹ	2.02	0.09	0.40	0.07	0.08

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.5	-73.9	81.4	97.0	226
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	0.02	0.04	0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-31.8	87.7	-47.6	-110	-172
Tiền đầu kỳ	5.39	7.17	20.9	54.7	41.7
Lưu chuyển tiền thuần	1.78	13.8	33.8	-13.0	54.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.17	20.9	54.7	41.7	95.7

(Nguồn: fireant.vn)